

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 27-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Nữ Ngọc Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Văn Dũng

Bà Vành Sĩ Tha

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa: Bà Néang L– Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 26/4/2021 về “*tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXX-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị Huỳnh M, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

( Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Tạ Thị Huỳnh M trình bày:

Nguyên bà Huỳnh Thị Trúc L có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ như sau: Dây hội thứ nhất: Hội 500.000 đồng/phần hội, số hội viên tham gia 32 người, khai ngày 30-8-2016, dây hội này bà L tham gia 3 phần hội. Sau khi tham gia, bà L đã lĩnh hội vào các ngày như sau: lần 1 và lần 2 ngày 30-8-2016; lần 3: Ngày 15-11-2016, sau khi lĩnh hội bà L góp hội được 20 kỳ thì ngưng, còn lại 11 kỳ bà L chưa góp, tương đương với số tiền 16.500.000 đồng. Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/phần, hội mở ngày 20-01-2017 âm lịch, khai vào ngày 05, 20 hàng tháng, có 26 hội viên tham gia, bà L tham gia 01 phần, bà L lĩnh hội vào ngày 20-01-2017, sau khi lĩnh hội bà L góp được 11 kỳ thì ngưng, bà L còn nợ lại 14 kỳ tương đương với số tiền 14.000.000 đồng. Nay bà M yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L trả số tiền hội là 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng)

Bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày: Bà thừa nhận có tham gia 02 dây hội do bà Tạ Thị Huỳnh M làm chủ như sau: Dây hội thứ nhất: Hội 500.000 đồng/phần hội, khai ngày 30-8-2016, dây hội này bà L tham gia 3 phần hội. Sau khi tham gia bà L đã lĩnh hội hết 03 phần mà bà tham gia, bà không nhớ thời gian lĩnh hội. Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/phần, hội mở ngày 20-01-2017 âm lịch, bà L tham gia 01 phần, bà L đã lĩnh hội. Cả 02 dây hội bà không nhớ thời gian lĩnh hội, sau khi lĩnh hội bà đã góp hội đầy đủ hàng tháng và góp được bao nhiêu bà không nhớ do thời gian quá lâu, hơn nữa khi tham gia dây hội bà M không cung cấp danh sách hội viên cho bà. Do bà không còn khả năng thanh toán, khoản tháng 6/2017 (âm lịch), bà có yêu cầu bà M cộng lại tất cả các khoản nợ của bà đã nợ của bà M trong đó có tiền nợ các dây hội. Sau đó bà M có làm giấy cho bà về các khoản nợ. Tổng cộng khoản nợ theo giấy mà bà còn nợ của M là 30.282.000 đồng. Sau đó bà đi làm ăn xa ở Bình Dương hàng tháng bà đều gửi tiền về trả cho bà M, bà M cũng không hề nhắc đến khoản tiền nợ hội còn lại theo hai dây hội mà hiện bà M đang tranh chấp, đến ngày 30/4/2020 giữa bà và bà M đã đối chiếu để xác nhận số nợ, bà M xác nhận số nợ bà L gửi trả đầy đủ số tiền 30.282.000 đồng theo tờ giấy bà M ghi. Tuy nhiên bà M lại cho rằng bà chỉ mới cộng tiền hội được một nửa, còn một nửa chưa cộng, nhưng bà M không nói bao nhiêu tiền. Sau đó bà M đã khởi kiện bà L yêu cầu trả số tiền nợ hội 30.500.000 đồng. Nay bà L không đồng ý với yêu cầu của bà M vì bà đã trả đủ tiền nợ cho bà M rồi.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bà Tạ Thị Huỳnh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L phải trả số tiền nợ hội 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Huỳnh Thị Trúc L không đồng ý trả tiền nợ hội theo yêu cầu của bà Tạ Thị Huỳnh M, các khoản nợ trong đó có tiền nợ hội của bà M bà đã trả đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Bà M làm chủ dây hụi 500.000 đồng mở ngày 30-8-2016 âm lịch và dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 20-01-2017 âm lịch, bà L là hụi viên, trong quá trình tham gia hụi bà L đã lĩnh tất cả các phần hụi, hàng tháng bà L đều góp cho bà M đầy đủ, nhưng bà L không nhớ đóng hụi đến kỳ thứ mấy, chỉ xác định tại thời điểm kết nợ (tháng 6/2017), thì số kỳ đóng không nhớ do thời gian quá lâu. Sau khi kết nợ, bà M đã gửi cho bà L tờ giấy với tổng số tiền 30.282.000 đồng, đến khoảng tháng 4/2020 bà L đã gửi trả đủ số tiền cho bà M. Tuy nhiên bà M cho rằng giấy ghi nợ vào tháng 6/2017, vào thời điểm đó dây hụi chưa kết thúc nên bà M không thể liệt kê các khoản hụi còn lại. Nay bà M yêu cầu bà L trả số tiền 30.500.000 đồng.

Theo bà L thì bà đã yêu cầu bà M tổng kết hết toàn bộ số nợ của bà con thiếu bà M kể cả hai dây hụi chưa kết thúc (hụi đang tranh chấp) và khi bà M đưa giấy nợ thì bà M cũng không nói cụ thể nội dung đã ghi, do bà L không biết rành chữ và cũng không nhờ người khác đọc cho bà L nghe, nên bà L không biết nội dung cụ thể mà bà M ghi. Trong suốt thời gian bà L đi làm ăn xa và trả dần số tiền trong giấy nợ, bà M cũng không hề nhắc tới số tiền 02 dây hụi đang tranh chấp, chỉ đến khi bà L trả đủ 30.282.000 đồng, bà M mới đòi số tiền góp là 30.500.000 đồng. Bà M cho rằng sở dĩ bà không chốt hết số nợ của hai dây hụi đang tranh chấp là do quan hệ hàng xóm, láng giềng, hoàn cảnh gia đình bà L khó khăn, tại thời điểm chốt nợ thì 02 dây hụi chưa kết thúc, nên không chốt được.

Xét thấy, tờ giấy ghi nợ với số tiền 30.282.000 đồng, tuy không ghi ngày tháng năm, không có ký xác nhận của 02 bên nhưng cả hai bên đều thừa nhận tổng số tiền còn nợ ghi trong giấy, tuy nhiên 02 bên không thống nhất với nhau về nội dung ghi trong giấy. Ngoài lời khai của bà M, bà M không có chứng cứ khác chứng minh ngày bà L ngừng đóng hụi. Mặt khác cả hai bên đều thừa nhận bà L đã trả đủ số tiền 30.282.000 đồng. Do đó các lý do bà M đưa ra khi thông báo cho bà L về số tiền hụi chưa đóng là không thỏa đáng nên yêu cầu của bà M buộc bà L trả lại số tiền 30.500.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng góp hụi là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L có nơi cư trú tại xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Trúc L và Tạ Thị Huỳnh M đều thừa nhận hai bên có tham gia chơi hụi, trong các dây hụi này bà M làm chủ hụi, bà L là hụi viên. Bà M cho rằng dây hụi hụi 500.000 đồng/phần, bà L còn 11 kỳ chưa góp hụi chết tương đương với số tiền 16.500.000 đồng; Dây hụi 1.000.000 đồng/phần, bà L còn 14 kỳ chưa góp hụi chết tương đương với số tiền 14.000.000 đồng. Tổng cộng bà L còn nợ tiền hụi 30.500.000 đồng, bà M yêu cầu bà L trả số tiền hụi 30.500.000 đồng.

Bà L cho rằng do bà không còn khả năng thanh toán, góp hụi cho bà M, nên khoảng tháng 6/2017 âm lịch bà đã yêu cầu bà M tổng kết toàn bộ số nợ mà bà con thiếu bà M, kể cả hai dây hụi chưa kết thúc mà bà không còn khả năng châu (tiền hụi đang tranh chấp), bà M đã ghi cho bà tờ giấy xác định số nợ, do bà đọc chữ không rành và bà M cũng không giải thích, chỉ xác định số nợ theo giấy mà bà còn phải trả cho bà M là 30.282.000 đồng. Trong suốt thời gian bà L đi làm ăn xa bà L đã đều đặn gửi trả dần số tiền theo giấy nợ và đã trả đủ cho bà M. Khi trả đủ tiền theo giấy tổng kết nợ thì bà M cũng không hề nhắc tới số tiền nợ của 02 dây hụi chết còn lại (tiền hụi đang tranh chấp) kể cả khi gặp nhau mỗi dịp lễ, tết bà L về thăm nhà. Đến khoảng tháng 4/2020, sau thời gian hơn 01 năm bà L đã trả đủ số tiền 30.282.000 đồng thì bà M mới cho rằng bà chỉ mới trả được một nửa số nợ. Nay bà M yêu cầu bà trả số tiền 30.500.000 đồng, bà không đồng ý, vì bà đã trả đủ số nợ cho bà M.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa các đương sự không giao nộp thêm chứng cứ gì, ngoài những chứng cứ trong hồ sơ thể hiện. Bà Tạ Thị Huỳnh M yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L trả số tiền nợ hụi 30.500.000 đồng, bà không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án, ngoài lời khai của bà.

Đối với tờ giấy ghi nợ với số tiền 30.282.000 đồng, do bà M trực tiếp ghi, tuy không ghi ngày tháng năm, không có chữ ký xác nhận của 02 bên, nhưng cả hai bên đều thừa nhận tổng số tiền bà L còn nợ ghi trong giấy là 30.282.000 đồng, tuy nhiên cả 02 bên không thống nhất với nhau về nội dung ghi trong giấy, nhưng đối với số tiền

30.282.000 đồng cả hai bên cùng thống nhất bà L đã trả đầy đủ. Mặt khác bà M nại rằng bà L chỉ trả được một nửa tiền nợ, bà L còn nợ lại một nửa với tổng số tiền 30.500.000 đồng đây là tiền 02 dây hui mà bà L tham gia (hui đang tranh chấp) do khi bà L đi làm ăn xa các dây hui bà L tham gia chưa kết thúc. Mặc dù vậy, khi bà L đi làm ăn xa thì thời gian các dây hui bà L tham gia chưa kết thúc, nhưng các dây hui này bà L đều đã lĩnh hui, chỉ còn là hui chết nên nghĩa vụ góp hui của bà L đều tính được theo từng kỳ góp hui chết (số tiền góp mỗi kỳ bằng với số tiền của dây hui đã khai, không có biến động như các hui viên chưa được lĩnh hui), hơn nữa ngoài lời khai của bà M không được bà L thừa nhận thì bà M không có chứng cứ khác chứng minh ngày bà L ngừng đóng hui bắt đầu từ thời gian nào và thời gian kết thúc của 02 dây hui mà bà L tham gia. Bên cạnh đó, quá trình tố tụng Tòa án đã yêu cầu bà M cung cấp chứng cứ, chứng minh cho khoản nợ hui 30.500.000 đồng mà bà L còn nợ, nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án. Do vậy, việc bà M nại rằng bà L chỉ mới trả được cho bà theo giấy biên nhận bà viết chỉ mới một nửa tiền hui, còn nợ lại một nửa là 30.500.000 đồng là không có cơ sở.

Từ những phân tích và đánh giá chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Tạ Thị Huỳnh M yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L trả số tiền nợ hui 30.500.000 đồng là không có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Huỳnh M.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Về phí bị đơn bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Huỳnh M yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L trả tiền nợ hui với tổng số 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng)

Về án phí: Bà Tạ Thị Huỳnh M phải nộp 1.525.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0002875, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà M còn phải nộp 725.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS Huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nữ Ngọc Lan**